

BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt

(Kèm theo công văn số 11481/BTC-CST ngày 31/07/2026 của Bộ Tài chính)

Căn cứ quy định của pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và Quy chế Xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL của Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 3132/QĐ-BTC ngày 09/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế TTĐB (sau đây gọi là dự thảo Thông tư).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, trong đó có nêu một trong những nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 là “Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược của các nước”.

- Tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đặt ra nhiệm vụ: “Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”. Đồng thời, đề ra giải pháp “xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật”.

- Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 đã đưa ra nhiệm vụ giải pháp: “2. *Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các biến động kinh tế, thương mại thế giới; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới*”.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB số 66/2025/QH15 quy định về đối tượng không chịu thuế như sau:

“1. Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật này không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp sau đây:

a) Hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài hoặc bán, ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài;”

- Tại khoản 1 và khoản 8 Điều 4 Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế TTĐB quy định về đối tượng không chịu thuế như sau:

“1. Hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài hoặc bán, ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài quy định tại khoản này không bao gồm: hàng hóa bán từ nội địa vào khu phi thuế quan; hàng hóa sản xuất, gia công, thuê gia công, mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau.”

“8. Bộ Tài chính hướng dẫn về hồ sơ xác định đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 6 Điều này.”

- Căn cứ thẩm quyền được giao tại Nghị định số 360/2025/NĐ-CP, tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về hồ sơ xác định đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau:

“Hồ sơ xác định đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa quy định tại Điều 4 Nghị định số 360/2025/NĐ-CP căn cứ vào hồ sơ khai thuế hoặc hồ sơ hải quan do người nộp thuế thực hiện khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về hải quan. Một số trường hợp khi cơ quan quản lý thuế yêu cầu thì người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ như sau:

1. Đối với hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 360/2025/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân phải có hồ sơ như sau:

a) Hợp đồng bán hàng hoặc hợp đồng gia công cho nước ngoài kèm phụ lục hợp đồng gia công (nếu có phụ lục) hoặc hợp đồng thuê gia công kèm phụ lục hợp đồng gia công (nếu có phụ lục).

b) Hóa đơn bán hàng hóa xuất khẩu hoặc hoá đơn tiền gia công.

c) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với hàng hóa do tổ chức, cá nhân có hàng hoá xuất khẩu bán hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu ra nước ngoài theo hợp đồng kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 360/2025/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân phải có hồ sơ như sau:

a) Hợp đồng mua bán hàng hóa để xuất khẩu hoặc hợp đồng ủy thác xuất khẩu đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu giữa tổ chức, cá nhân có hàng hoá xuất khẩu và tổ chức, cá nhân được ủy thác xuất khẩu.

b) Hóa đơn bán hàng, giao hàng ủy thác xuất khẩu.

c) Biên bản thanh lý (thanh lý toàn bộ hoặc từng phần) hợp đồng mua bán hàng hoá để xuất khẩu, hợp đồng ủy thác xuất khẩu thể hiện rõ các nội dung sau: Tên, số lượng, chủng loại, mặt hàng, giá bán của hàng hóa đã thực tế xuất khẩu; hình thức thanh toán; số tiền và số, ngày chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu không dùng tiền mặt của người mua nước ngoài cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu; số tiền và số, ngày của chứng từ thanh toán giữa tổ chức, cá nhân sản xuất với tổ chức, cá nhân xuất khẩu hoặc tổ chức, cá nhân nhận ủy thác xuất khẩu; số, ngày của hợp đồng xuất khẩu, tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

Đối với hàng hóa cơ sở xuất khẩu mua, được ủy thác xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước, tổ chức, cá nhân có hàng hoá xuất khẩu phải kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hóa này khi tiêu thụ (bán) trong nước.”

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Vướng mắc trong quá trình thực hiện

Trong thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất khẩu, một số doanh nghiệp sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB tại Việt Nam bán sản phẩm cho các doanh nghiệp phân phối trong nước có hệ thống bán hàng toàn cầu, để các doanh nghiệp này tiếp tục thực hiện xuất khẩu ra thị trường nước ngoài tiêu thụ. Mặc dù giao dịch giữa doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp phân phối được xác lập dưới hình thức mua bán hàng hóa trong nước, nhưng mục đích là phục vụ xuất khẩu, không tiêu thụ nội địa. Theo quy định hiện hành, hàng hóa do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu hoặc trực tiếp bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu đều thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 158/2025/TT-BTC, việc chuẩn bị hồ sơ chứng minh hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB đang phát sinh một số bất cập như sau:

Đối với bộ hồ sơ xác định đối tượng không chịu thuế TTĐB, cơ quan quản lý thuế có thể yêu cầu: (1) Biên bản thanh lý hợp đồng mua bán hàng hoá

để xuất khẩu; (2) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của người mua nước ngoài cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu theo biên bản thanh lý hợp đồng.

Tại thời điểm doanh nghiệp sản xuất bàn giao hàng hóa cho doanh nghiệp phân phối, nghĩa vụ thanh toán giữa các bên trong nhiều trường hợp được thực hiện theo tiến độ, chia thành nhiều đợt thanh toán khác nhau, kéo dài qua nhiều kỳ. Do đó, hai bên chưa đủ điều kiện để lập biên bản thanh lý hợp đồng cho đến khi hoàn tất toàn bộ việc bàn giao hàng hóa và thanh toán theo hợp đồng. Trong khi đó, nghĩa vụ kê khai, xác định đối tượng không chịu thuế TTĐB lại phát sinh gắn với thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, dẫn đến việc doanh nghiệp không có đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định.

Ngoài ra, doanh nghiệp sản xuất không phải là bên trực tiếp thực hiện hoạt động xuất khẩu và không có quan hệ hợp đồng trực tiếp với bên mua nước ngoài, do đó không có cơ sở pháp lý để yêu cầu bên thứ ba này cung cấp chứng từ thanh toán phục vụ việc hoàn thiện hồ sơ không chịu thuế TTĐB của mình.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ xác định đối tượng không chịu thuế đối với hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công bán hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài về biên bản thanh lý hợp đồng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của người mua nước ngoài cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu là cần thiết và cấp thiết để đảm bảo không xảy ra vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định của Luật Thuế TTĐB và kịp thời hỗ trợ, thúc đẩy xuất khẩu trong 06 tháng cuối năm, góp phần tăng trưởng kinh tế năm 2026 và các năm tiếp theo.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

- Việc ban hành Thông tư nhằm mục đích tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời hỗ trợ, thúc đẩy xuất khẩu, góp phần tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Đảm bảo tính khả thi, minh bạch của pháp luật và tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO THÔNG TƯ

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục của dự thảo Thông tư

Bố cục của dự thảo Thông tư gồm 02 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31/12/ 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh:

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế TTĐB.

2.2. Đối tượng áp dụng

- Người nộp thuế quy định tại Điều 4 của Luật Thuế TTĐB.
- Cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Nội dung dự thảo Thông tư

Trên cơ sở quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB số 66/2025/QH15, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và để bao quát các trường hợp phát sinh trong thực tế, đồng thời thực hiện quy định tại Điều 18 Luật Ban hành VBQPPL, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế TTĐB, nội dung dự thảo Thông tư như sau:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 158/2025/TT-BTC như sau:

“2. Đối với hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công có hàng hoá xuất khẩu bán hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác xuất khẩu để xuất khẩu ra nước ngoài theo hợp đồng kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 360/2025/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân phải có hồ sơ như sau:

a) Hợp đồng mua bán hàng hóa để xuất khẩu hoặc hợp đồng ủy thác xuất khẩu đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu giữa tổ chức, cá nhân có hàng hoá xuất khẩu và tổ chức, cá nhân được ủy thác xuất khẩu.

b) Hóa đơn bán hàng, giao hàng ủy thác xuất khẩu.

c) Biên bản thanh lý (thanh lý toàn bộ hoặc từng phần) hợp đồng mua bán hàng hoá để xuất khẩu, hợp đồng ủy thác xuất khẩu thể hiện rõ các nội dung sau: Tên, số lượng, chủng loại, mặt hàng, giá bán của hàng hóa đã thực tế xuất khẩu; hình thức thanh toán; số tiền và số, ngày chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu không dùng tiền mặt của người mua nước ngoài cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu; số tiền và số, ngày của chứng từ thanh toán giữa tổ chức, cá nhân sản xuất với tổ chức, cá nhân xuất khẩu hoặc tổ chức, cá nhân nhận ủy thác xuất khẩu; số, ngày của hợp đồng xuất khẩu, tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; trừ trường hợp tại thời điểm cơ quan nhà nước yêu cầu, người nộp thuế chưa có biên bản thanh lý hợp đồng và chứng từ thanh toán

hàng hoá xuất khẩu không dùng tiền mặt của người mua nước ngoài do chưa hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Đối với hàng hóa cơ sở xuất khẩu mua, được ủy thác xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước, tổ chức, cá nhân có hàng hoá xuất khẩu phải kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hóa này khi tiêu thụ (bán) trong nước.”

Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Đề xử lý vướng mắc về hồ sơ xác định đối tượng không chịu thuế trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất, gia công, ủy thác gia công bán hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác để xuất khẩu, cần thiết bổ sung quy định: ***“trừ trường hợp tại thời điểm cơ quan nhà nước yêu cầu, người nộp thuế chưa có biên bản thanh lý hợp đồng và chứng từ thanh toán hàng hoá xuất khẩu không dùng tiền mặt của người mua nước ngoài do chưa hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có) theo quy định của pháp luật”***.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB và khoản 1 Điều 4 Nghị định 360/2025/NĐ-CP quy định 02 trường hợp hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công để xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế là: (1) trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài; (2) bán, ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài. Theo đó, cần thiết chỉnh sửa câu chữ tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 158/2025/TT-BTC cho phù hợp với quy định của Luật Thuế TTĐB và Nghị định số 360/2025/NĐ-CP.

4. Về thủ tục hành chính

Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính.

5. Về phân cấp, phân quyền: Dự thảo Thông tư không quy định nội dung về phân cấp, phân quyền.

6. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Dự thảo Thông tư không quy định nội dung liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là thuyết minh dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế TTĐB./.

BỘ TÀI CHÍNH